



**SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE**

**VIMĀNAVATTHUPĀḶI**

**&**

**CHUYỆN THIÊN CUNG**

### 3. 9.

667. Kā nāma tvaṃ visālakkhi<sup>1</sup> ramme cittalatāvane,  
samantā anupariyāsi nārīgaṇapurakkhatā.<sup>2</sup>
668. Yadā devā tāvatimsā pavisanti imaṃ vanam,  
sayoggā sarathā sabbe citrā honti idhāgatā.
669. Tuyhañca idha pattāya uyyāne vicarantiyā,  
kāye na<sup>3</sup> dissati<sup>4</sup> cittaṃ kena rūpaṃ tavedisaṃ,  
devate pucchitācikkha kissa kammassidaṃ phalan 'ti.
670. Yena kammena devinda rūpaṃ mayhaṃ gatī ca me,  
iddhi<sup>5</sup> ca anubhāvo<sup>6</sup> ca taṃ suṇohi purindada.
671. Ahaṃ rājagahe ramme sunandā nāmupāsikā,  
saddhāsīlena sampannā saṃvibhāgaratā sadā.
672. Acchādanañca bhattañca senāsanam padīpiyam,  
adāsiṃ ujubhūtesu vipasannena cetasā.
673. Cātuddasiṃ pañcadasiṃ yā ca pakkhassa aṭṭhamī,  
pāṭihāriyapakkhañca aṭṭhaṅgasusamāgataṃ.
674. Uposatham upavasissam sadā sīlesu saṃvutā,  
saññamā saṃvibhāgā ca vimānam āvasāmaṃ.
675. Pāṇātipātā viratā musāvādā ca saññatā,  
theyyā ca aticārā ca majjapānā ca ārakā.
676. Pañcasikkhāpade ratā ariyasaccāna kovidā,  
upāsikā cakkhumato gotamassa yasassino.
677. Tassā me ñātikulā dāsī<sup>7</sup> sadā mālābhihārati,  
tāhaṃ bhagavato thūpe sabbamevābhiropayim.
678. Uposathe cahaṃ<sup>8</sup> gantvā mālāgandhavilepanam,  
thūpasmiṃ abhiropesiṃ pasannā sehi pāṇihi.
679. Tena kammena devinda rūpaṃ mayhaṃ gatī ca me,  
iddhi ca anubhāvo ca yaṃ mālāṃ abhiropayim.
680. Yañca sīlavatī āsiṃ na taṃ tāva vipaccati,  
āsā ca pana me devinda sakadāgāminī siyan 'ti.

### Visālakkhīvimānam.

<sup>1</sup> visālakkhī - Syā.

<sup>2</sup> purakkhitā - Syā.

<sup>3</sup> kāyena - Syā, PTS.

<sup>4</sup> dissatī - Ma.

<sup>5</sup> iddhī - Syā, PTS.

<sup>6</sup> ānubhāvo - Ma, Syā, PTS.

<sup>7</sup> ñātikulam āsi - Syā.

<sup>8</sup> uposathevahaṃ - Syā.

### 3. 9.

667. “Này cô nàng có cặp mắt to, thật sự nàng là ai mà dẫn đầu đám phụ nữ đi dạo xung quanh ở khu rừng Cittalatā đáng yêu?”

668. Lúc chư Thiên cõi Đạo Lợi tiến vào khu rừng này, toàn thể bọn họ cùng với loài thú kéo, cùng với cỗ xe, đều trở nên có màu sắc khác biệt khi đã đi đến nơi này.

669. Còn đối với nàng, khi đã đạt đến nơi đây, trong khi đang đi lang thang ở vườn hoa, sự đối khác về màu sắc không nhìn thấy ở cơ thể (của nàng); bởi điều gì mà nàng có được dáng vẻ như thế? Hỏi nàng tiên, đã được hỏi, mong nàng thuật lại quả báu này là của nghiệp nào?”

670. “Thưa vị Chúa của chư Thiên, do nghiệp nào mà tôi có được dáng vóc và tôi có được cảnh giới tái sanh, cùng với thân thông và năng lực, thưa vị trời Purindada, xin ngài hãy lắng nghe về điều ấy.

671. Tôi là nữ cư sĩ tên Sunandā ở thành Rājagaha đáng yêu, được đầy đủ đức tin và giới hạnh, luôn luôn thích thú việc san sẻ.

672. Tôi đã bố thí y phục, vật thực, chỗ nằm ngồi, đèn đuốc, với tâm ý tịnh tín ở những con người chính trực.

673. Vào ngày mười bốn, ngày mười lăm, ngày mồng tám của mỗi nửa tháng, và những ngày phụ trội của nửa tháng là có sự thọ trì tốt đẹp về tám giới.

674. Tôi đã hành trì ngày trai giới, luôn luôn thu thúc trong các giới. Tôi cư ngụ ở tòa lầu đài, có sự tự chế, có sự san sẻ.

675. Tôi kiêng chừa việc giết hại mạng sống, và thu thúc về việc nói dối, việc trộm cắp, việc ngoại tình, và xa lánh việc uống chất say.

676. Tôi được vui thích ở năm điều học, là người thông hiểu các chân lý cao thượng, là nữ cư sĩ của bậc Hữu Nhân Gotama có danh tiếng.

677. Người nữ tỳ từ gia đình của quyền thuộc thường xuyên mang lại các tràng hoa đến cho tôi đây. Tôi đã cúng dâng toàn bộ tất cả các thứ ấy ở ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn.

678. Và vào ngày trai giới, tôi đã đi đến, được tịnh tín, tôi đã tự tay cúng dâng tràng hoa, hương thơm, vật thoa ở ngôi bảo tháp.

679. Thưa vị Chúa của chư Thiên, do nghiệp tôi đã cúng dâng tràng hoa mà tôi có được dáng vóc và tôi có được cảnh giới tái sanh, cùng với thân thông và năng lực.

680. Và về việc tôi đã là người có giới, việc ấy còn chưa được chín muồi. Tuy nhiên, thưa vị Chúa của chư Thiên, tôi có niềm hy vọng là tôi có thể trở thành bậc Nhất Lai.”

### Thiên cung của Visālakkhī.